

Số: **50** /2016/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày **25** tháng **11** năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về vận động, quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Hà Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 17 tháng 6 năm 2009;
Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 16 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định vận động, quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 12 năm 2016.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

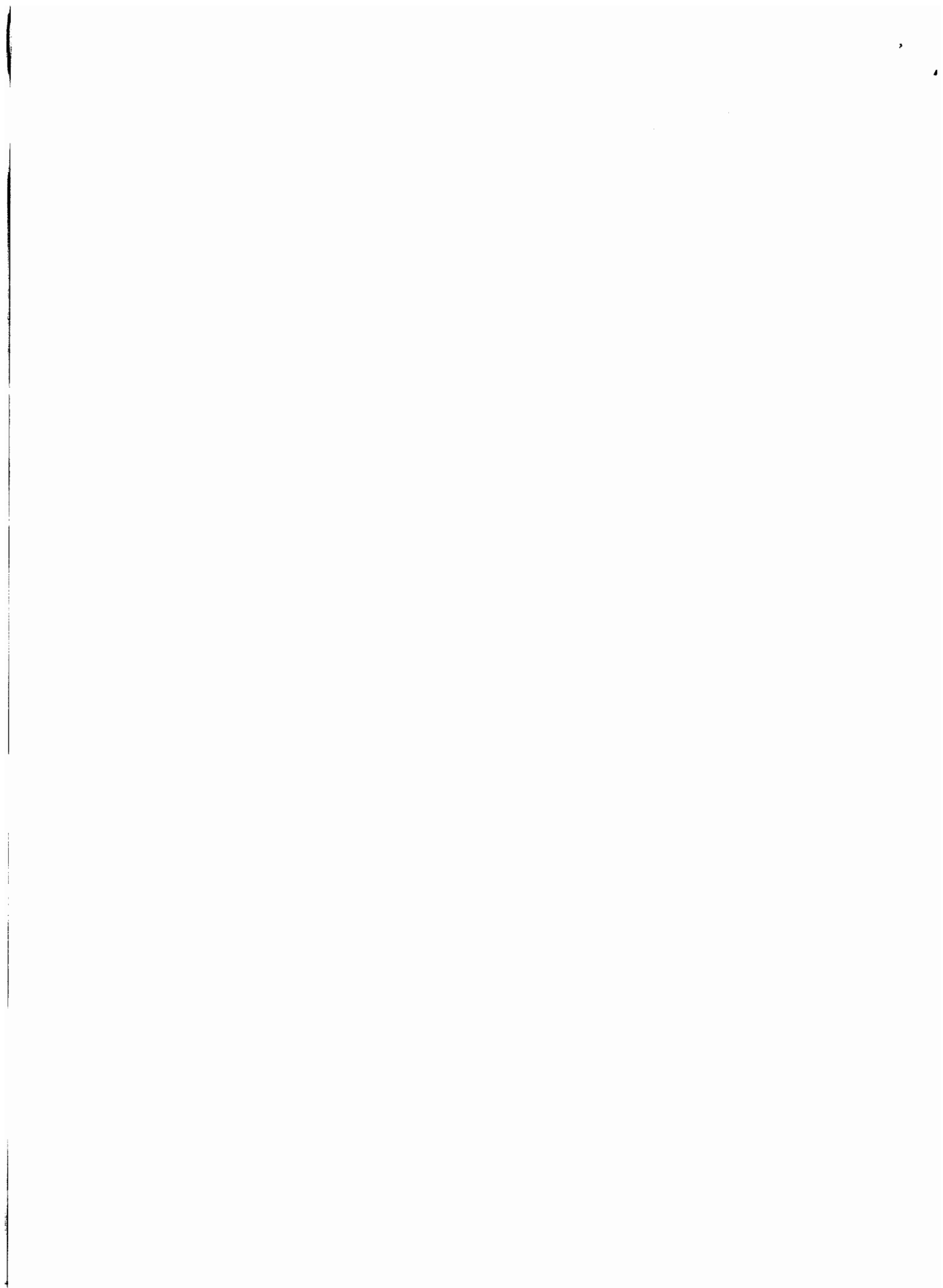
Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra VB QPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- VPUB: LĐVP (3), các CV liên quan;
- Lưu VT, NV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Đông





ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về vận động, quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)
và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Hà Nam
(Ban hành kèm theo Quyết định số **50** /2016/QĐ-UBND
ngày **25** tháng **11** năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các hoạt động về vận động, quản lý, sử dụng các chương trình, dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (sau đây gọi tắt là ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến các hoạt động thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 1 của Quy định này.

Điều 3. Nguyên tắc cơ bản trong quản lý nhà nước về vốn ODA và vốn vay ưu đãi

1. Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Hà Nam thống nhất quản lý nhà nước đối với vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

2. Thu hút, quản lý vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ phải đi đôi với nâng cao hiệu quả sử dụng, phù hợp với khả năng tiếp nhận của các đơn vị thực hiện, tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan và Điều ước quốc tế về ODA nhằm hỗ trợ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Nam.

3. Bảo đảm công khai, minh bạch, có phân công, phân cấp, gắn quyền hạn với trách nhiệm; bảo đảm sự phối hợp quản lý, kiểm tra giám sát chặt chẽ, phát huy tính chủ động của các cấp ở địa phương, các cơ quan quản lý ngành và đơn vị thực hiện.

4. Khuyến khích các cơ quan, đơn vị, cá nhân có nhu cầu chủ động tiếp cận, vận động vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và Điều ước quốc tế về ODA.

Điều 4. Lĩnh vực ưu tiên thu hút, sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế đồng bộ, quy mô lớn và hiện đại: hạ tầng đô thị (thành phố Phủ Lý và các đô thị); hạ tầng giao thông vận tải; hạ tầng thủy lợi và đê điều.

2. Xây dựng hạ tầng xã hội: cơ sở vật chất và trang thiết bị các ngành Giáo dục và Đào tạo, Y tế; hỗ trợ phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý, đội ngũ chuyên gia và quản trị doanh nghiệp giỏi, lao động lành nghề.

3. Phát triển nông nghiệp và nông thôn: xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn (*giao thông, điện, y tế, giáo dục, thủy lợi, cấp nước sạch tập trung, ...*).

4. Bảo vệ môi trường và các nguồn tài nguyên thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu: hỗ trợ thực hiện các chương trình, dự án bảo vệ môi trường, phát triển bền vững và bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên; hỗ trợ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu; khắc phục và cải thiện ô nhiễm môi trường.

5. Sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi làm vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư (PPP).

Điều 5. Quy trình vận động, quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Vận động vốn ODA, vốn vay ưu đãi.
2. Lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án.
3. Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án.
4. Ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi.
5. Quản lý thực hiện chương trình, dự án.
6. Hoàn thành, chuyển giao kết quả thực hiện chương trình, dự án.

Chương II

VẬN ĐỘNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

Điều 6. Cơ sở vận động

1. Đề án định hướng thu hút, quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của Chính phủ trong từng thời kỳ.
2. Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, kế hoạch 5 năm, hàng năm về phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và của các ngành, lĩnh vực.
3. Danh mục dự án đề nghị sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.
4. Định hướng ưu tiên của các nhà tài trợ nước ngoài.

Điều 7. Đề xuất, phê duyệt danh mục chương trình, dự án đề nghị sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của tỉnh

1. Căn cứ nhu cầu sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, các cơ quan chuyên môn, hoặc UBND cấp huyện hoặc các cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ, định hướng phát triển ngành, địa phương đề xuất danh mục chương trình, dự án đề nghị thực hiện bằng vốn ODA, vốn vay ưu đãi trong giai đoạn 05 năm và từng năm theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 của Quy định này và gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư theo các mốc thời gian:

a) Đối với chương trình, dự án đề nghị thực hiện trong giai đoạn 05 năm: gửi trước quý IV của năm cuối cùng giai đoạn trước;

b) Đối với chương trình, dự án đề nghị thực hiện hàng năm: gửi trước ngày 30/6 của năm trước.

2. Phê duyệt danh mục: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, các sở ngành có liên quan thống nhất lựa chọn những chương trình, dự án phù hợp; tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt danh mục các chương trình, dự án đề nghị sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài theo từng giai đoạn và hàng năm của tỉnh;

Điều 8. Tổ chức Hội nghị vận động vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các cơ quan liên quan chuẩn bị nội dung, tài liệu và đề xuất UBND tỉnh tổ chức các hội nghị vận động vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

2. Trong thời gian tối đa 10 ngày sau khi tổ chức hội nghị, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, xây dựng báo cáo về kết quả tổ chức Hội nghị đề UBND tỉnh báo cáo Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ ngành Trung ương.

3. Kinh phí tổ chức Hội nghị vận động vốn ODA, vốn vay ưu đãi được bố trí từ nguồn kinh phí xúc tiến đầu tư của tỉnh.

Chương III

LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN

Điều 9. Lập, thẩm định, phê duyệt Đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Căn cứ Danh mục các chương trình, dự án đề nghị sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi được UBND tỉnh phê duyệt trong từng thời kỳ, ý kiến của các Bộ, ngành trung ương hoặc của các nhà tài trợ; Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND tỉnh chấp thuận việc lập Đề xuất chương trình, dự án và đề xuất cơ quan chuẩn bị dự án.

2. Thời gian, trình tự thực hiện lập Đề xuất chương trình dự án:

a) Trong thời gian tối đa 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của UBND tỉnh, cơ quan chuẩn bị dự án (*Chủ dự án dự kiến*) phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng Đề xuất chương trình, dự án theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 của Quy định này;

b) Thực hiện lấy ý kiến tham vấn của các cơ quan, đơn vị liên quan về Đề xuất chương trình, dự án đã xây dựng. Thời gian tham gia ý kiến của các cơ quan, đơn vị về Đề xuất chương trình dự án tối đa là 05 ngày làm việc;

c) Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn nhận ý kiến tham gia, cơ quan chuẩn bị dự án hoàn thiện lại Đề xuất chương trình, dự án và trình UBND tỉnh xem xét, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề xuất chương trình, dự án hoặc lựa chọn

chương trình, dự án được lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại).

Điều 10. Lập, thẩm định, phê duyệt Chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm A sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Quy trình thực hiện.

a) Căn cứ thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Đề xuất dự án được lựa chọn, UBND tỉnh giao cơ quan chuẩn bị dự án lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (BCNCTKT) theo quy định tại Phụ lục 3a của Quy định này;

b) Thành lập Hội đồng thẩm định do một Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Chủ tịch Hội đồng, Sở Kế hoạch và Đầu tư là Thường trực Hội đồng thẩm định và các sở, ngành liên quan là thành viên để thẩm định (BCNCTKT), nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng và khả năng cân đối các nguồn vốn;

c) Căn cứ ý kiến của Hội đồng thẩm định, cơ quan chuẩn bị dự án hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi để UBND tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh;

d) Sau khi được Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh chấp thuận, UBND tỉnh trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định trước khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Thời gian, trình tự thực hiện lập BCNCTKT:

a) Trong thời gian tối đa 30 ngày làm việc kể từ ngày được UBND tỉnh giao, cơ quan chuẩn bị dự án hoàn thành Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;

b) Thực hiện lấy ý kiến tham vấn của các cơ quan, đơn vị liên quan về BCNCTKT đã xây dựng. Thời gian tham gia ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan về Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi tối đa là 05 ngày làm việc;

c) Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn nhận ý kiến tham gia, cơ quan chuẩn bị dự án hoàn thiện BCNCTKT và trình UBND tỉnh thực hiện theo quy trình tại Khoản 1 Điều này.

Điều 11. Lập, thẩm định, phê duyệt Chủ trương đầu tư chương trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư (không phải dự án nhóm A) sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

1. Quy trình thực hiện.

a) Căn cứ thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh giao cơ quan chuẩn bị dự án lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo Mẫu tại Phụ lục 3b của Quy định này và báo cáo UBND tỉnh;

b) UBND tỉnh trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư trước khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Thời gian, trình tự thực hiện lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư:

a) Trong thời gian tối đa 20 ngày làm việc kể từ ngày được UBND tỉnh giao, cơ quan chuẩn bị dự án hoàn thành Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;

b) Thực hiện lấy ý kiến tham vấn của các cơ quan, đơn vị có liên quan về Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đã xây dựng. Thời gian tham gia ý kiến

của các cơ quan, đơn vị về Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư tối đa là 05 ngày làm việc;

c) Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn nhận ý kiến tham gia, cơ quan chuẩn bị dự án hoàn thiện Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và trình Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo quy trình tại Khoản 1 Điều này.

Điều 12. Lập, thẩm định, phê duyệt Chủ trương đầu tư chương trình, dự án, phi dự án sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại do UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư

1. UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư đối với các chương trình, dự án, phi dự án sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại trong các trường hợp sau: chương trình, dự án đầu tư nhóm C; chương trình, dự án, phi dự án không thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng, tôn giáo; dự án hỗ trợ kỹ thuật có quy mô vốn tài trợ nhỏ hơn 2 triệu đô la Mỹ; viện trợ mua sắm các loại hàng hóa không thuộc diện phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép.

2. Quy trình thực hiện.

a) Căn cứ thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh giao cơ quan chuẩn bị dự án lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo Mẫu tại Phụ lục 3c của Quy định này;

b) UBND tỉnh gửi Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư lấy ý kiến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan về chủ trương đầu tư;

c) Căn cứ ý kiến các cơ quan, ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, ý kiến của Bộ Tài chính về cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với chương trình, dự án và phương thức cho vay lại, UBND tỉnh tổ chức thẩm định và quyết định chủ trương đầu tư.

b) Thời gian, trình tự thực hiện lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư: thực hiện theo quy định tại khoản 2, điều 11 của Quy định này.

3. Nội dung phê duyệt của Quyết định chủ trương đầu tư.

a) Tên chương trình, dự án và nhà tài trợ, đồng tài trợ nước ngoài;

b) Tên cơ quan chủ quản;

c) Mục tiêu và kết quả chủ yếu của chương trình, dự án;

d) Thời gian và địa điểm thực hiện chương trình, dự án;

e) Hạn mức vốn của chương trình, dự án (*vốn ODA viện trợ không hoàn lại, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng*);

g) Cơ chế tài chính trong nước và phương thức cho vay lại đối với chương trình, dự án;

h) Các hoạt động thực hiện trước.

Điều 13. Kinh phí lập Đề xuất chương trình, dự án; Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư: UBND tỉnh bố trí từ ngân sách tỉnh (nguồn chuẩn bị đầu tư).

Chương IV

LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN

Điều 14. Chuẩn bị chương trình, dự án

1. Phê duyệt chủ chương trình, dự án (*sau đây gọi tắt là chủ dự án*).

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, sau khi có quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi; Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các sở, ngành liên quan báo cáo UBND tỉnh phê duyệt chủ dự án;

b) Sau thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định chủ dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư giúp UBND tỉnh gửi văn bản thông báo chính thức kèm theo bản sao quyết định đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư và nhà tài trợ.

2. Lập văn kiện chương trình, dự án.

a) Trên cơ sở nội dung của Quyết định chủ trương đầu tư, chủ dự án có nhiệm vụ phối hợp với nhà tài trợ và các cơ quan liên quan trong việc chuẩn bị, lập văn kiện chương trình, dự án.

b) Văn kiện chương trình, dự án được lập theo mẫu quy định tại Quy định này, bao gồm: Mẫu văn kiện dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng (*Báo cáo nghiên cứu khả thi*) nêu tại Phụ lục 4; Mẫu văn kiện dự án đầu tư có cấu phần xây dựng (*Báo cáo nghiên cứu khả thi*) nêu tại Phụ lục 5; Mẫu văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật nêu tại Phụ lục 6; Mẫu văn kiện chương trình sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nêu tại Phụ lục 7; Mẫu văn kiện chương trình, dự án ô nêu tại Phụ lục 8; Mẫu văn kiện phi dự án nêu tại Phụ lục 9.

c) Trường hợp văn kiện chương trình, dự án được xây dựng theo mẫu của nhà tài trợ, các nội dung trên phải được chủ dự án tính đến trong quá trình phối hợp với nhà tài trợ lập văn kiện này, đảm bảo hài hòa quy trình, thủ tục giữa Việt Nam và nhà tài trợ.

Điều 15. Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình dự án và quyết định đầu tư

1. Đối với chương trình, dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh.

a) Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt toàn bộ các văn kiện chương trình, dự án và quyết định đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi trừ các chương trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016;

b) Trình tự thực hiện

- Sau khi có quyết định chủ trương đầu tư, chủ dự án phối hợp với nhà tài trợ nước ngoài, các cơ quan có liên quan lập văn kiện chương trình, dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Quy định này;

- Lấy ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn cho chương trình, dự án (*vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng*), ý kiến của Bộ Tài chính về cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với chương trình, dự án và các cơ quan khác về những nội dung có liên quan;

- Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, chủ dự án hoàn chỉnh văn kiện chương trình, dự án, lập Hồ sơ thẩm định chương trình, dự án để thẩm định.

- Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt văn kiện chương trình, dự án và quyết định đầu tư chương trình, dự án;

c) Riêng đối với các dự án hỗ trợ kỹ thuật và các khoản phi dự án khác: Chủ tịch UBND tỉnh căn cứ vào Quyết định chủ trương đầu tư để phê duyệt văn kiện phi dự án và quyết định đầu tư;

d) Cơ quan thực hiện và nội dung thẩm định: thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 1; điểm a, điểm b, khoản 2 điều 9, Quyết định số 21/2016/QĐ-UBND ngày 15/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam.

2. Đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật và phi dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Thủ tướng Chính phủ.

a) Sau khi có quyết định chủ trương đầu tư, chủ dự án phối hợp với nhà tài trợ nước ngoài, các cơ quan có liên quan lập văn kiện chương trình, dự án theo quy định tại khoản 2 điều 14, quy định này;

b) UBND tỉnh lấy ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về chương trình, dự án (*vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng*), ý kiến của Bộ Tài chính về cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với chương trình, dự án và ý kiến của các cơ quan khác về những nội dung có liên quan;

c) Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, chủ dự án hoàn chỉnh văn kiện chương trình, dự án, lập Hồ sơ thẩm định văn kiện chương trình, dự án;

d) UBND tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tờ trình kèm Hồ sơ thẩm định văn kiện chương trình, dự án đề nghị thẩm định.

3. Hồ sơ đề nghị thẩm định văn kiện chương trình, dự án.

a) Tờ trình đề nghị thẩm định văn kiện chương trình, dự án của UBND tỉnh (*đối với văn kiện chương trình, dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ*), hoặc của chủ dự án (*đối với văn kiện chương trình, dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh*);

b) Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án;

c) Văn kiện chương trình, dự án;

d) Trường hợp chương trình, dự án vay lại toàn bộ hoặc một phần từ ngân sách nhà nước, chủ dự án gửi kèm theo các tài liệu chứng minh năng lực tài chính, phương án trả nợ và các tài liệu khác theo hướng dẫn của Bộ Tài chính;

e) Ý kiến bằng văn bản của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, các cơ quan có liên quan trong quá trình xây dựng văn kiện chương trình, dự án;

f) Các tài liệu có liên quan đến chương trình, dự án bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

Điều 16. Ký kết điều ước quốc tế, thoả thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

1. Việc ký kết điều ước quốc tế, thoả thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện theo quy định của Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế, Luật Quản lý nợ công, Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3

năm 2016 của Chính phủ và thực hiện theo các văn bản quy định, hướng dẫn có liên quan.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện tham gia cùng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ngân hàng nhà nước và các Bộ, ngành Trung ương khác trong quá trình đàm phán, ký kết với nhà tài trợ về điều ước quốc tế, thoả thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi cho các chương trình, dự án.

Chương V

QUẢN LÝ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI

Điều 17. Ban Chỉ đạo chương trình, dự án

1. Đối với mỗi chương trình, dự án, UBND tỉnh Hà Nam sẽ quyết định thành lập một Ban Chỉ đạo dự án (*hoặc giao nhiệm vụ cho Ban Chỉ đạo các dự án ODA chung của tỉnh*).

2. Ban Chỉ đạo chương trình, dự án có những nhiệm vụ chủ yếu sau:

a) Chỉ đạo việc tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát chất lượng, tiến độ thực hiện chương trình, dự án;

b) Giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện dự án có liên quan tới nhiều ngành, lĩnh vực;

c) Các nhiệm vụ khác theo quyết định thành lập hoặc theo quy định trong văn kiện dự án đã được phê duyệt.

3. Cơ cấu tổ chức, chế độ hoạt động và kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo chương trình, dự án được quy định trong quyết định thành lập Ban Chỉ đạo.

Điều 18. Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án trung hạn 5 năm.

1. Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi trung hạn 5 năm là một phần trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm của tỉnh.

2. Nội dung kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi và vốn đối ứng trung hạn 5 năm.

a) Điều kiện chương trình, dự án được đưa vào kế hoạch trung hạn 5 năm:

- Các chương trình, dự án đang thực hiện chuyển tiếp sang thời kỳ kế hoạch 5 năm;

- Các chương trình, dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền dự kiến ký kết điều ước quốc tế, thoả thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi trong thời kỳ kế hoạch 5 năm;

- Các chương trình, dự án có quyết định chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền vào thời điểm không trùng với thời gian lập và tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm sẽ được bổ sung vào kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm theo quy định của pháp luật về bổ sung và điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm.

b) Nội dung Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi và vốn đối ứng trung hạn 5 năm được lập theo mẫu tại Phụ lục 10 của Quy định này.

3. Quy trình lập và giao kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi trung hạn 5 năm và vốn đối ứng thực hiện theo quy định hiện hành và các hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc lập và giao kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm.

Điều 19. Kế hoạch thực hiện tổng thể dự án (hoặc kế hoạch tổng thể dự án thành phần đối với dự án ô)

1. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày dự án được nhà tài trợ chính thức thông qua (*ký kết điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi*); Chủ dự án phối hợp với nhà tài trợ rà soát, cập nhật (*đối với trường hợp đã lập kế hoạch tổng thể trong quá trình xây dựng văn kiện dự án*), điều chỉnh (*nếu cần thiết*) kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch trên.

2. Nội dung kế hoạch tổng thể:

a) Thông tin cơ bản về chương trình, dự án;

b) Những hoạt động, nhóm những hoạt động; hạng mục, nhóm những hạng mục; cấu phần của chương trình, dự án và kế hoạch tổng thể giải ngân các loại vốn (*vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng*) cho toàn bộ thời gian thực hiện chương trình, dự án và theo mục đích sử dụng (*cho đầu tư phát triển và cho hành chính sự nghiệp*);

c) Các giải pháp bảo đảm thực hiện kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án.

3. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án; Chủ chương trình, dự án gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, cơ quan có liên quan khác và nhà tài trợ Quyết định phê duyệt kèm theo kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình dự án.

Điều 20. Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hàng năm

1. Căn cứ lập kế hoạch hàng năm.

a) Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án ODA và vốn vay ưu đãi trung hạn 5 năm;

b) Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án được UBND tỉnh phê duyệt;

c) Hướng dẫn lập kế hoạch hàng năm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

d) Tình hình giải ngân thực tế và kế hoạch giải ngân theo điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

2. Nội dung của kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hàng năm phải có thông tin chi tiết về các hợp phần (*chia theo hợp phần hỗ trợ kỹ thuật và đầu tư xây dựng*), các hạng mục và hoạt động chính, các nguồn vốn, kể cả vốn đối ứng và tiến độ thực hiện dự kiến kèm theo.

3. Sau khi được UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch hàng năm, Chủ dự án xây dựng kế hoạch thực hiện hàng quý phục vụ công tác điều hành, giám sát và đánh giá tình hình thực hiện chương trình, dự án.

4. Hàng năm, vào thời điểm xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành, Chủ dự án lập kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hàng năm gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh.

5. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hàng năm, Chủ dự án gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan có liên quan và nhà tài trợ nước ngoài Quyết định phê duyệt kèm theo kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hàng năm phục vụ công tác giám sát, đánh giá và phối hợp thực hiện chương trình, dự án.

Điều 21. Quản lý, tổ chức thực hiện chương trình, dự án ODA, vốn vay ưu đãi của cơ quan chủ quản, chủ dự án và Ban quản lý dự án

Nội dung quản lý, tổ chức thực hiện chương trình, dự án của cơ quan chủ quản, chủ dự án, ban quản lý dự án theo quy định hiện hành trên cơ sở đảm bảo những nguyên tắc sau:

1. Về đền bù, giải phóng mặt bằng và tái định cư: Việc đền bù, giải phóng mặt bằng và tái định cư trong các chương trình, dự án thực hiện theo pháp luật hiện hành và điều ước quốc tế về ODA mà Việt Nam là thành viên.

2. Về đấu thầu: Các hoạt động cung cấp hàng hóa, cung cấp dịch vụ tư vấn, xây dựng công trình của chương trình, dự án thông qua đấu thầu tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước về đấu thầu và điều ước quốc tế về ODA mà Việt Nam là thành viên.

3. Các chương trình, dự án ODA và vốn vay ưu đãi thực hiện thủ tục kiểm soát chi và quản lý giải ngân theo quy định hiện hành của nhà nước và quy định của nhà tài trợ.

4. Hoạt động tiếp nhận chuyên gia nước ngoài cho các chương trình, dự án và xác nhận chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA của tỉnh thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chuyên gia nước ngoài.

Điều 22. Chế độ báo cáo tình hình tiếp nhận và sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của Chủ dự án

1. Nội dung báo cáo: Chủ dự án thực hiện lập báo cáo về tình hình tiếp nhận và thực hiện chương trình, dự án ODA và vốn vay ưu đãi quý I, 6 tháng, quý III và cả năm, báo cáo giám sát đánh giá trước khi khởi công, báo cáo giám sát đánh giá khi điều chỉnh dự án và báo cáo kết thúc chương trình, dự án bằng văn bản gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ quản lý ngành liên quan, Chủ chương trình, dự án tổng thể (*chỉ đối với dự án ô*); UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, nhà tài trợ.

2. Thời gian báo cáo.

a) Báo cáo quý, 6 tháng và cả năm: Thời hạn gửi trong thời hạn 10 ngày sau khi kết thúc quý, 20 ngày sau khi kết thúc năm.

b) Báo cáo giám sát đánh giá trước khi khởi công: Gửi trước 15 ngày trước khi khởi công.

c) Báo cáo kết thúc chương trình, dự án: Thực hiện trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc thực hiện chương trình, dự án.

d) Báo cáo về những thay đổi (nếu có) so với các nội dung của điều ước quốc tế cụ thể về ODA và vốn vay ưu đãi đã ký kết, chậm nhất 15 ngày sau khi có những thay đổi so với nội dung của điều ước quốc tế.

Các báo cáo cho nhà tài trợ được thực hiện theo thỏa thuận trong điều ước quốc tế cụ thể về ODA và vốn vay ưu đãi về chương trình, dự án.

Điều 23. Chế độ báo cáo tình hình tiếp nhận và sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của Cơ quan chủ quản

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối thực hiện báo cáo tình hình tiếp nhận và sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của UBND tỉnh.

2. Trong thời hạn 20 ngày sau khi kết thúc quý, 30 ngày sau khi kết thúc năm; Sở Kế hoạch và Đầu tư lập và gửi Báo cáo tổng hợp về tình hình vận động, tiếp nhận và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, kết quả thực hiện các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền quản lý bằng văn bản và thư điện tử về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Bộ Ngoại giao, UBND tỉnh để tổng hợp, đồng thời cập nhật trực tuyến vào Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn Nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 24. Điều chỉnh nội dung chương trình, dự án và sử dụng vốn dư trong quá trình thực hiện chương trình, dự án

1. Trường hợp điều chỉnh dẫn đến thay đổi về nội dung trong Quyết định chủ trương đầu tư: Thực hiện theo quy định tại Điều 21 – Nghị định 16/2016/NĐ-CP.

Trên cơ sở ý kiến chấp thuận điều chỉnh nội dung Quyết định chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền; Chủ dự án phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan tiến hành các thủ tục thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án và điều chỉnh quyết định đầu tư chương trình, dự án.

2. Trường hợp điều chỉnh nội dung chương trình, dự án dẫn đến sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi, cơ quan đề xuất ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 33 và 36 Nghị định 16/2016/NĐ-CP.

3. Việc sử dụng vốn dư (*vốn ODA, vốn vay ưu đãi*) phát sinh trong quá trình thực hiện chương trình, dự án bao gồm vốn dư sau đấu thầu, vốn dư do thay đổi tỷ giá, lãi suất, vốn dự phòng chưa phân bổ và các khoản vốn dư khác thực hiện như sau:

a) Đối với trường hợp sử dụng vốn dư trong phạm vi chương trình, dự án được xác định tại văn bản quyết định đầu tư dự án, phù hợp với quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư: Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh quyết

định việc sử dụng vốn dư theo quy định hiện hành sau khi đã thống nhất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính.

b) Đối với trường hợp sử dụng vốn dư để thực hiện chương trình, dự án mới theo hướng ưu tiên nhằm phát huy hiệu quả của chương trình, dự án đang thực hiện:

Thực hiện lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án mới sử dụng vốn dư gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan làm việc với nhà tài trợ nước ngoài để thống nhất việc sử dụng vốn dư. Các bước tiếp theo liên quan đến việc trình, thẩm định và quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án thực hiện theo quy định tại Điều 10, 11 của Quy định này.

Chương VI **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 25. Tổ chức thực hiện

1. Các ngành, cơ quan, đơn vị, các chủ dự án quản lý và sử dụng ODA, vốn vay ưu đãi trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.

2. Đối với các nội dung, công việc không quy định trong Quy định này được thực hiện theo quy định hành của nhà nước và quy định của nhà tài trợ.

3. Trong quá trình thực hiện Quy định này nếu có vướng mắc, các ngành, cơ quan, đơn vị, các chủ dự án quản lý và sử dụng ODA, vốn vay ưu đãi kịp thời phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /*ctj*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Đông

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐỀ XUẤT SỬ DỤNG VỐN ODA,
VỐN VAY ƯU ĐÃI 5 NĂM VÀ HÀNG NĂM

TT	Tên chương trình, dự án	Mục tiêu, phạm vi chương trình, dự án	Thời gian thực hiện	Dự kiến nhà tài trợ	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
I	Danh mục dự án 5 năm						
a	Ngành, lĩnh vực						
1	Dự án						
2	Dự án						
						
b	Ngành, lĩnh vực						
1	Dự án						
2	Dự án						
						
II	Danh mục dự án hàng năm						
a	Ngành, lĩnh vực						
1	Dự án						
2	Dự án						
						
b	Ngành, lĩnh vực						
1	Dự án						
2	Dự án						
						

PHỤ LỤC 2
MẪU ĐỀ XUẤT CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA,
VỐN VAY ƯU ĐÃI

I. TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN

II. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT

- Tầm quan trọng và sự cần thiết của chương trình, dự án về mặt kinh tế, xã hội, môi trường, khoa học, công nghệ,...
- Những nỗ lực đã được thực hiện để giải quyết những vấn đề đặt ra.
- Nhà tài trợ nước ngoài dự kiến.

III. NỘI DUNG ĐỀ XUẤT

1. Mục tiêu, phạm vi của chương trình, dự án

Mô tả mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể và phạm vi của chương trình, dự án.

2. Dự kiến kết quả chính của chương trình, dự án

Tóm tắt kết quả chính dự kiến của chương trình, dự án.

3. Dự kiến tổng vốn, thời gian của chương trình, dự án

- Vốn ODA, vốn vay ưu đãi (vốn ODA viện trợ không hoàn lại; vốn vay ODA; vốn vay ưu đãi) nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam và đô la Mỹ.

- Thời gian dự kiến hoàn thành Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

4. Đề xuất cơ chế tài chính trong nước, phân tích sơ bộ khả năng bố trí nguồn lực, trả nợ (đối với dự án cho vay lại)

5. Đánh giá tác động

Đánh giá tác động đối với chương trình đầu tư trung hạn của cơ quan đề xuất.

PHỤ LỤC 3a

MẪU BÁO CÁO NGHIÊN CỨU TIỀN KHẢ THI DỰ ÁN QUAN TRỌNG QUỐC GIA VÀ DỰ ÁN NHÓM A SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI

Nội dung Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án quan trọng quốc gia và dự án nhóm A sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định tại Điều 35 của Luật đầu tư công; bổ sung thêm các nội dung liên quan đến vốn ODA, vốn vay ưu đãi, bao gồm các nội dung chính sau:

I. NHỮNG THÔNG TIN CHỦ YẾU

1. Tên dự án.
2. Cơ quan chủ quản, đơn vị đề xuất và chủ dự án (dự kiến): Tên, địa chỉ và các thông tin liên quan khác.
3. Nhà tài trợ và đồng tài trợ nước ngoài (nếu có) dự kiến hỗ trợ thực hiện chương trình.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU SƠ BỘ CỦA DỰ ÁN

1. Khái quát các chương trình, dự án khác đã và đang thực hiện bằng những nguồn vốn khác nhau (nếu có) nhằm mục đích hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan.
2. Nhu cầu sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi để hỗ trợ thực hiện dự án.
3. Dự kiến vốn của nhà tài trợ nước ngoài (vốn ODA viện trợ không hoàn lại, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi) nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam và đô la Mỹ.
4. Dự kiến vốn đối ứng và nguồn cung cấp gồm: ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, vốn tự có của chủ dự án (dự kiến), vốn vay ngân hàng và các nguồn vốn hợp pháp khác (đồng Việt Nam và quy đổi ra đô la Mỹ).
5. Điều kiện ràng buộc về sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài: giải trình về những nội dung quy định tại khoản 4, Điều 6 Nghị định 16/2016/NĐ-CP (trường hợp vốn ODA, vốn vay ưu đãi có ràng buộc).
6. Đề xuất và cơ sở đề xuất cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với dự án (cấp phát toàn bộ, cho vay lại toàn bộ, cho vay lại một phần với tỷ lệ cho vay lại cụ thể từ ngân sách nhà nước; điều khoản và điều kiện cho vay lại; phương án trả nợ vốn vay); phương thức tài trợ dự án hay giải ngân qua ngân sách nhà nước; phương thức cho vay lại qua ngân hàng thương mại hay vay lại trực tiếp từ ngân sách nhà nước.
7. Đối tượng thụ hưởng trực tiếp và gián tiếp của dự án.
8. Đề xuất hình thức tổ chức quản lý thực hiện dự án.
9. Các hoạt động thực hiện trước.

Trên cơ sở thống nhất với nhà tài trợ nước ngoài, đề xuất các hoạt động thực hiện trước theo quy định tại Điều 19 Nghị định 16/2016/NĐ-CP, trong đó nêu rõ kinh phí dự kiến, khung thời gian, trách nhiệm của các cơ quan Việt Nam và nhà tài trợ nước ngoài, cơ chế thực hiện các hoạt động này./.

PHỤ LỤC 3b

MẪU BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI

I. NHỮNG THÔNG TIN CHỦ YẾU

1. Tên dự án.
2. Tên và địa chỉ liên lạc của cơ quan chủ quản, đơn vị đề xuất chương trình, dự án và chủ dự án (dự kiến).
3. Nhà tài trợ và đồng tài trợ nước ngoài (nếu có) dự kiến hỗ trợ thực hiện chương trình, dự án.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU SƠ BỘ CỦA CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN

1. Bối cảnh và sự cần thiết
 - a) Sự cần thiết, vai trò, vị trí của chương trình, dự án trong quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành, địa phương liên quan đến nội dung của chương trình, dự án.
 - b) Khái quát các chương trình, dự án khác đã và đang thực hiện bằng những nguồn vốn khác nhau (nếu có) nhằm mục đích hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan.
 - c) Nhu cầu sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi để hỗ trợ thực hiện chương trình, dự án.
2. Những nội dung chủ yếu của chương trình, dự án
 - a) Mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể của chương trình, dự án
Mô tả mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể của chương trình, dự án.
 - b) Tóm tắt những sản phẩm dự kiến, kết quả chủ yếu của chương trình, dự án.
 - c) Mô tả tóm tắt những nội dung, hoạt động chủ yếu của chương trình, dự án và các hợp phần (chương trình).
 - d) Dự kiến vốn của nhà tài trợ nước ngoài, (vốn ODA viện trợ không hoàn lại, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi) nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam và đô la Mỹ.
 - đ) Dự kiến vốn đối ứng và nguồn cung cấp gồm: ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, vốn tự có của chủ dự án (dự kiến), vốn vay ngân hàng và các nguồn vốn hợp pháp khác (đồng Việt Nam và quy đổi ra đô la Mỹ).
 - e) Dự kiến tiến độ thực hiện.
 - g) Điều kiện ràng buộc về sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài: giải trình về những nội dung quy định tại khoản 4, Điều 6 Nghị định 16/2016/NĐ-CP (trường hợp vốn ODA, vốn vay ưu đãi có ràng buộc).
 - h) Đề xuất và cơ sở đề xuất cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với chương trình, dự án (cấp phát toàn bộ, cho vay lại toàn bộ, cho vay lại một phần với tỷ lệ cho vay lại cụ thể từ ngân sách nhà nước; điều khoản và điều

kiện cho vay lại; phương án trả nợ vốn vay); phương thức tài trợ dự án hay giải ngân qua ngân sách nhà nước; phương thức cho vay lại qua ngân hàng thương mại hay vay lại trực tiếp từ ngân sách nhà nước.

i) Đối tượng thụ hưởng trực tiếp và gián tiếp của chương trình, dự án.

k) Đề xuất hình thức tổ chức quản lý thực hiện chương trình, dự án.

l) Đánh giá sơ bộ chương trình, dự án về: tính phù hợp (chính sách và ưu tiên sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của Chính phủ; chính sách và ưu tiên cung cấp vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài); tính hiệu quả (kinh tế, xã hội, môi trường), tác động (nợ công (dự án vốn vay), kinh tế, xã hội, môi trường); tính khả thi và tính bền vững của chương trình, dự án.

m) Các hoạt động thực hiện trước.

Trên cơ sở thống nhất với nhà tài trợ nước ngoài, đề xuất các hoạt động thực hiện trước theo quy định tại Điều 19 Nghị định 16/2016/NĐ-CP, trong đó nêu rõ kinh phí dự kiến, khung thời gian, trách nhiệm của các cơ quan Việt Nam và nhà tài trợ nước ngoài, cơ chế thực hiện các hoạt động này./.

PHỤ LỤC 3c

MẪU BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ PHI DỰ ÁN

I. TÊN KHOẢN PHI DỰ ÁN

II. TÊN NHÀ TÀI TRỢ, ĐỒNG TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

III. TÊN VÀ ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC CỦA CƠ QUAN CHỦ QUẢN VÀ ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤT KHOẢN PHI DỰ ÁN

IV. THỜI GIAN THỰC HIỆN KHOẢN PHI DỰ ÁN

V. NHU CẦU VỀ KHOẢN PHI DỰ ÁN

Nêu sự cần thiết và nhu cầu tài trợ đối với phi dự án.

VI. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG CỦA KHOẢN PHI DỰ ÁN

VII. TỔNG VỐN CỦA KHOẢN PHI DỰ ÁN

1. Vốn ODA (nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam và đô la Mỹ).
2. Nguồn và vốn đối ứng (đồng Việt Nam và quy đổi ra đô la Mỹ).
3. Điều kiện ràng buộc về sử dụng vốn ODA của nhà tài trợ nước ngoài: giải trình về những nội dung quy định tại khoản 4, Điều 6 Nghị định 16/2016/NĐ-CP (trường hợp vốn ODA có ràng buộc).

VIII. ĐỀ XUẤT CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC ÁP DỤNG ĐỐI VỚI PHI DỰ ÁN

Đề xuất và cơ sở đề xuất cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với phi dự án (cấp phát toàn bộ, cho vay lại toàn bộ, cho vay lại một phần với tỷ lệ cho vay lại cụ thể từ ngân sách nhà nước; điều khoản và điều kiện cho vay lại; phương án trả nợ vốn vay); phương thức tài trợ dự án hay giải ngân qua ngân sách nhà nước; phương thức cho vay lại qua ngân hàng thương mại hay vay lại trực tiếp từ ngân sách nhà nước./.

PHỤ LỤC 4

MẪU VĂN KIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI KHÔNG CÓ CẤU PHẦN XÂY DỰNG

Nội dung văn kiện dự án đầu tư (Báo cáo nghiên cứu khả thi) không có cấu phần xây dựng sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Luật đầu tư công và bổ sung các nội dung liên quan đến vốn ODA, vốn vay ưu đãi, bao gồm các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án.
2. Nhà tài trợ, đồng tài trợ nước ngoài.
3. Tên và địa chỉ liên lạc của cơ quan chủ quản và chủ dự án.

II. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA DỰ ÁN

1. Sự phù hợp và các đóng góp của dự án vào chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, quy hoạch phát triển ngành, vùng và địa phương.
2. Mối quan hệ với các chương trình, dự án khác nhằm hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan của chương trình, dự án.
3. Sự cần thiết của dự án (nêu rõ những vấn đề cần giải quyết trong khuôn khổ dự án).
4. Nhu cầu hỗ trợ bằng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

III. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

Nêu rõ tính phù hợp của dự án với định hướng hợp tác và lĩnh vực ưu tiên của nhà tài trợ nước ngoài; điều kiện cung cấp vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài và khả năng đáp ứng của phía Việt Nam.

IV. NỘI DUNG DỰ ÁN

1. Phân tích, xác định mục tiêu, nhiệm vụ, kết quả đầu ra của dự án; phân tích, lựa chọn quy mô hợp lý; xác định phân kỳ đầu tư; lựa chọn hình thức đầu tư.
2. Phân tích các điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - kỹ thuật, lựa chọn địa điểm đầu tư.
3. Phân tích, lựa chọn phương án công nghệ, kỹ thuật, thiết bị.
4. Phương án tổ chức quản lý, khai thác, sử dụng dự án.
5. Đánh giá tác động môi trường và giải pháp bảo vệ môi trường.
6. Phương án tổng thể đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư.
7. Dự kiến tiến độ thực hiện dự án; các mốc thời gian chính thực hiện đầu tư.
8. Vốn đầu tư:
 - a) Xác định tổng mức đầu tư;
 - b) Cơ cấu nguồn vốn, bao gồm: vốn ODA, vốn vay ưu đãi (nguyên tệ và quy đổi ra đô la Mỹ); vốn đối ứng (đồng Việt Nam và quy đổi ra đô la Mỹ).

c) Phương án huy động vốn, trong đó nêu rõ nguồn vốn đối ứng (ngân sách trung ương, địa phương), giá trị đóng góp bằng hiện vật. Trách nhiệm bố trí vốn đối ứng của các cấp ngân sách và các đối tượng tham gia thực hiện, đối tượng thụ hưởng dự án (nếu có).

9. Điều kiện ràng buộc về sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài: giải trình về những nội dung quy định tại khoản 4, Điều 6 Nghị định 16/2016/NĐ-CP (trường hợp vốn ODA và vốn vay ưu đãi có ràng buộc).

10. Cơ chế tài chính trong nước đối với dự án:

a) Cấp phát toàn bộ, cho vay lại toàn bộ, cho vay lại một phần với tỷ lệ cho vay lại cụ thể từ ngân sách nhà nước; điều khoản và điều kiện cho vay lại; phương án trả nợ vốn vay;

b) Phương thức tài trợ dự án hay giải ngân qua ngân sách nhà nước; phương thức vay lại qua ngân hàng thương mại hay vay lại trực tiếp từ Ngân sách Nhà nước;

c) Việc thỏa mãn các điều kiện được vay lại của chủ dự án theo quy định của Luật quản lý nợ công đối với chương trình, dự án vay lại; cơ sở tính toán doanh thu, chi phí, tính khả thi của dự án theo các điều kiện của khoản vay nước ngoài; phương án trả nợ, phương án tài sản đảm bảo tiền vay.

11. Xác định chi phí vận hành, bảo dưỡng, duy tu, sửa chữa lớn trong giai đoạn khai thác dự án.

12. Tổ chức quản lý dự án, bao gồm xác định chủ dự án, phân tích lựa chọn hình thức tổ chức quản lý thực hiện dự án, mối quan hệ và trách nhiệm của các chủ thể liên quan đến quá trình thực hiện dự án, tổ chức bộ máy quản lý khai thác dự án.

13. Phân tích hiệu quả đầu tư, bao gồm hiệu quả và tác động kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, khả năng thu hồi vốn đầu tư (nếu có).

14. Các hoạt động thực hiện trước (nếu có): Trên cơ sở các hoạt động thực hiện trước tại Quyết định chủ trương đầu tư, trình bày cụ thể các hoạt động thực hiện trước theo quy định tại Điều 19 Nghị định 16/2016/NĐ-CP.

V. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN

1. Kế hoạch triển khai các hành động thực hiện trước (nếu có).

2. Kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết thực hiện dự án cho năm đầu tiên.

3. Kế hoạch giám sát và đánh giá dự án./.

PHỤ LỤC 5

MẪU VĂN KIẾN DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI CÓ CẤU PHẦN XÂY DỰNG

Nội dung văn kiện dự án đầu tư (Báo cáo nghiên cứu khả thi) có cấu phần xây dựng sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi theo quy định tại Điều 54 của Luật xây dựng; bổ sung thêm các nội dung liên quan đến vốn ODA và vốn vay ưu đãi, bao gồm các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án.
2. Nhà tài trợ, đồng tài trợ nước ngoài.
3. Tên và địa chỉ liên lạc của cơ quan chủ quản và chủ dự án.

II. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA DỰ ÁN

1. Sự phù hợp và các đóng góp của dự án vào chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, quy hoạch phát triển ngành, vùng và địa phương.

2. Môi quan hệ với các chương trình, dự án khác nhằm hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan của chương trình, dự án.

3. Sự cần thiết của dự án (nêu rõ những vấn đề cần giải quyết trong khuôn khổ dự án).

4. Nhu cầu hỗ trợ bằng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

III. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

Nêu rõ tính phù hợp của dự án với định hướng hợp tác và lĩnh vực ưu tiên của nhà tài trợ nước ngoài; điều kiện cung cấp vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài và khả năng đáp ứng của phía Việt Nam.

IV. VỐN ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN

1. Cơ cấu nguồn vốn, bao gồm: vốn ODA, vốn vay ưu đãi (nguyên tệ và quy đổi ra đô la Mỹ), vốn đối ứng (đồng Việt Nam và quy đổi ra đô la Mỹ).

2. Phương án huy động vốn, trong đó nêu rõ nguồn vốn đối ứng (ngân sách trung ương, địa phương), giá trị đóng góp bằng hiện vật. Trách nhiệm bố trí vốn đối ứng của các cấp ngân sách và các đối tượng tham gia thực hiện, đối tượng thụ hưởng dự án (nếu có).

3. Điều kiện ràng buộc về sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài: giải trình về những nội dung quy định tại khoản 4, Điều 6 Nghị định 16/2016/NĐ-CP (trường hợp vốn ODA, vốn vay ưu đãi có ràng buộc).

4. Cơ chế tài chính trong nước đối với dự án:

a) Cấp phát toàn bộ, cho vay lại toàn bộ, cho vay lại một phần với tỷ lệ cho vay lại cụ thể từ ngân sách nhà nước; điều khoản và điều kiện cho vay lại; phương án trả nợ vốn vay;

b) Phương thức tài trợ dự án hay giải ngân qua ngân sách nhà nước; phương thức cho vay lại qua ngân hàng thương mại hay vay lại trực tiếp từ Ngân sách Nhà nước;

c) Việc thỏa mãn các điều kiện được vay lại của chủ dự án theo quy định của Luật quản lý nợ công đối với chương trình, dự án vay lại; cơ sở tính toán doanh thu, chi phí, tính khả thi của dự án theo các điều kiện của khoản vay nước ngoài; phương án trả nợ, phương án tài sản đảm bảo tiền vay.

V. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN

1. Kế hoạch triển khai các hành động thực hiện trước (nếu có).

2. Kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết thực hiện dự án cho năm đầu tiên.

3. Kế hoạch giám sát và đánh giá dự án.

VI. CÁC HOẠT ĐỘNG THỰC HIỆN TRƯỚC (nếu có)

Trên cơ sở các hoạt động thực hiện trước tại Quyết định chủ trương đầu tư, trình bày cụ thể các hoạt động thực hiện trước theo quy định tại Điều 19 Nghị định 16/2016/NĐ-CP./.

PHỤ LỤC 6
MẪU VĂN KIẾN DỰ ÁN HỖ TRỢ KỸ THUẬT SỬ DỤNG VỐN ODA,
VỐN VAY ƯU ĐÃI

I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án.
2. Nhà tài trợ, đồng tài trợ nước ngoài.
3. Tên và địa chỉ liên lạc của cơ quan chủ quản và chủ dự án.
4. Thời gian dự kiến thực hiện dự án.
5. Địa điểm thực hiện dự án.

II. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA DỰ ÁN

1. Sự phù hợp và các đóng góp của dự án vào chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, quy hoạch phát triển ngành, vùng và địa phương.

2. Mối quan hệ với các chương trình, dự án khác nhằm hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan của chương trình, dự án.

3. Sự cần thiết của dự án (nêu rõ những vấn đề cần giải quyết trong khuôn khổ dự án).

4. Nhu cầu hỗ trợ kỹ thuật bằng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

III. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

Nêu rõ tính phù hợp của dự án với định hướng hợp tác và lĩnh vực ưu tiên của nhà tài trợ nước ngoài; điều kiện cung cấp vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài và khả năng đáp ứng của phía Việt Nam.

IV. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN

Nêu rõ các mục tiêu tổng quát và cụ thể của dự án.

V. MÔ TẢ DỰ ÁN

Các hợp phần, hoạt động và kết quả chủ yếu của hỗ trợ kỹ thuật; đánh giá khả năng vận dụng hỗ trợ kỹ thuật vào thực tế.

VI. ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

Nêu rõ đối tượng thụ hưởng trực tiếp và gián tiếp của dự án.

VII. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ
ÁN

1. Kế hoạch triển khai các hành động thực hiện trước (nếu có).

2. Kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết thực hiện dự án cho năm đầu tiên.

3. Kế hoạch giám sát và đánh giá dự án.

VIII. TỔ CHỨC QUẢN LÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Nêu rõ hình thức tổ chức quản lý thực hiện; cơ chế phối hợp giữa các bên tham gia chuẩn bị thực hiện, thực hiện và quản lý dự án; năng lực tổ chức, quản lý thực hiện dự án của chủ dự án.

IX. TỔNG VỐN DỰ ÁN

Nêu chi tiết theo từng cấu phần, hạng mục và dòng ngân sách đầu tư phát triển, hành chính sự nghiệp, bao gồm:

1. Vốn ODA, vốn vay ưu đãi (nguyên tệ và quy đổi ra đô la Mỹ).
2. Vốn đối ứng (đồng Việt Nam và quy đổi ra đô la Mỹ). Nêu rõ nguồn vốn đối ứng (ngân sách trung ương, địa phương), giá trị đóng góp bằng hiện vật. Trách nhiệm bố trí vốn đối ứng của các cấp ngân sách và các đối tượng tham gia thực hiện, đối tượng thụ hưởng dự án (nếu có).

X. ĐIỀU KIỆN RÀNG BUỘC VỀ SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

Giải trình về những nội dung quy định tại khoản 4, Điều 6 Nghị định 16/2016/NĐ-CP (trường hợp vốn ODA, vốn vay ưu đãi có ràng buộc).

XI. CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI DỰ ÁN

1. Cấp phát toàn bộ, cho vay lại toàn bộ, cho vay lại một phần với tỷ lệ cho vay lại cụ thể từ ngân sách nhà nước; điều khoản và điều kiện cho vay lại; phương án trả nợ vốn vay;
2. Phương thức tài trợ dự án hay giải ngân qua ngân sách nhà nước; phương thức cho vay lại qua ngân hàng thương mại hay vay lại trực tiếp từ Ngân sách Nhà nước;
3. Việc thỏa mãn các điều kiện được vay lại của chủ dự án theo quy định của Luật quản lý nợ công đối với chương trình, dự án vay lại; cơ sở tính toán doanh thu, chi phí, tính khả thi của dự án theo các điều kiện của khoản vay nước ngoài; phương án trả nợ, phương án tài sản đảm bảo tiền vay.

XII. CÁC HOẠT ĐỘNG THỰC HIỆN TRƯỚC

Trên cơ sở các hoạt động thực hiện trước tại Quyết định chủ trương đầu tư, trình bày cụ thể các hoạt động thực hiện trước theo quy định tại Điều 19 Nghị định 16/2016/NĐ-CP./.

PHỤ LỤC 7
MẪU VĂN KIẾN CHƯƠNG TRÌNH SỬ DỤNG VỐN ODA,
VỐN VAY ƯU ĐÃI

I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1. Tên chương trình:
2. Nhà tài trợ, đồng tài trợ nước ngoài:
3. Cơ quan chủ quản:
 - a) Địa chỉ liên lạc:
 - b) Số điện thoại/Fax:
4. Đơn vị đề xuất chương trình:
 - a) Địa chỉ liên lạc:
 - b) Số điện thoại/Fax:
5. Chủ dự án:
 - a) Địa chỉ liên lạc:
 - b) Số điện thoại/Fax:
6. Thời gian dự kiến thực hiện chương trình:
7. Địa điểm thực hiện chương trình:

II. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Sự phù hợp và các đóng góp của chương trình vào chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, quy hoạch phát triển ngành, vùng và địa phương.
2. Mối quan hệ với các chương trình, dự án khác nhằm hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan của chương trình.
3. Sự cần thiết của chương trình, trong đó nêu rõ những vấn đề cần giải quyết trong khuôn khổ chương trình.

III. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

Nêu rõ tính phù hợp của chương trình với định hướng hợp tác và lĩnh vực ưu tiên của nhà tài trợ, nhà đồng tài trợ nước ngoài dự kiến; điều kiện cung cấp vốn ODA, vốn vay ưu đãi (bao gồm khung chính sách, nếu có) và khả năng đáp ứng của phía Việt Nam:

1. Tính phù hợp của đề xuất hỗ trợ vốn ODA, vốn vay ưu đãi với chính sách và định hướng ưu tiên của nhà tài trợ nước ngoài.
2. Phân tích lý do lựa chọn và lợi thế của nhà tài trợ nước ngoài về công nghệ, kinh nghiệm quản lý, tư vấn chính sách thuộc ngành, lĩnh vực được tài trợ.
3. Các điều kiện ràng buộc theo quy định của nhà tài trợ nước ngoài (nếu có) và khả năng đáp ứng các điều kiện này của phía Việt Nam.

IV. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Nêu rõ mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể, mục tiêu dài hạn và ngắn hạn của chương trình, các hợp phần của các dự án thành phần (nếu có).

V. ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

Nêu rõ đối tượng thụ hưởng trực tiếp và gián tiếp của chương trình.

VI. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH

1. Kế hoạch triển khai các hành động thực hiện trước (nếu có).
2. Kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết thực hiện chương trình cho năm đầu tiên.
3. Kế hoạch giám sát và đánh giá chương trình.

VII. CÁC KẾT QUẢ CHỦ YẾU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

VIII. TỔ CHỨC QUẢN LÝ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Nêu rõ hình thức tổ chức quản lý thực hiện chương trình; cơ chế phối hợp giữa các bên tham gia chuẩn bị thực hiện, thực hiện và quản lý chương trình; năng lực tổ chức, quản lý thực hiện chương trình của chủ dự án, bao gồm cả năng lực tài chính.

IX. TỔNG VỐN CHƯƠNG TRÌNH

Nêu chi tiết theo từng cấu phần, hạng mục và dòng ngân sách đầu tư phát triển, hành chính sự nghiệp, bao gồm:

1. Vốn ODA, vốn vay ưu đãi (nguyên tệ và quy đổi ra đô la Mỹ).
2. Vốn đối ứng (đồng Việt Nam và quy đổi ra đô la Mỹ). Nêu rõ nguồn vốn đối ứng (ngân sách trung ương, địa phương), giá trị đóng góp bằng hiện vật. Trách nhiệm bố trí vốn đối ứng của các cấp ngân sách và các đối tượng tham gia thực hiện, đối tượng thụ hưởng dự án (nếu có).

X. ĐIỀU KIỆN RÀNG BUỘC VỀ SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

Giải trình về những nội dung quy định tại khoản 4, Điều 6 Nghị định 16/2016/NĐ-CP (trường hợp vốn ODA, vốn vay ưu đãi có ràng buộc).

XI. CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

1. Cấp phát toàn bộ, cho vay lại toàn bộ, cho vay lại một phần với tỷ lệ cho vay lại cụ thể từ ngân sách nhà nước; điều khoản và điều kiện cho vay lại; phương án trả nợ vốn vay;
2. Phương thức tài trợ dự án hay giải ngân qua ngân sách nhà nước; phương thức cho vay lại qua ngân hàng thương mại hay vay lại trực tiếp từ Ngân sách Nhà nước;
3. Việc thỏa mãn các điều kiện được vay lại của chủ dự án theo quy định của Luật quản lý nợ công đối với chương trình, dự án vay lại; cơ sở tính toán doanh thu, chi phí, tính khả thi của dự án theo các điều kiện của khoản vay nước ngoài; phương án trả nợ, phương án tài sản đảm bảo tiền vay.

XIII. CÁC HOẠT ĐỘNG THỰC HIỆN TRƯỚC

Trên cơ sở các hoạt động thực hiện trước tại Quyết định chủ trương đầu tư, trình bày cụ thể các hoạt động thực hiện trước theo quy định tại Điều 19 Nghị định 16/2016/NĐ-CP./

PHỤ LỤC 8
MẪU VĂN KIẾN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN Ô SỬ DỤNG VỐN ODA,
VỐN VAY ƯU ĐÃI

I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN Ô

1. Tên chương trình, dự án ô:
2. Nhà tài trợ, đồng tài trợ nước ngoài:
3. Cơ quan chủ quản đề xuất chương trình, dự án ô:
 - a) Địa chỉ liên lạc:
 - b) Số điện thoại/Fax:
4. Tên các cơ quan chủ quản tham gia chương trình, dự án ô:
 - a) Địa chỉ liên lạc:
 - b) Số điện thoại/Fax:
5. Chủ chương trình, dự án ô:
 - a) Địa chỉ liên lạc:
 - b) Số điện thoại/Fax:
6. Thời gian dự kiến thực hiện chương trình, dự án ô:
7. Địa điểm thực hiện chương trình, dự án ô:

II. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN Ô

1. Sự phù hợp và các đóng góp của chương trình, dự án ô vào chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, quy hoạch phát triển ngành, vùng và địa phương.

2. Mối quan hệ với các chương trình, dự án khác nhằm hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan của chương trình, dự án ô.

3. Sự cần thiết của chương trình, dự án ô, trong đó nêu rõ những vấn đề cần giải quyết trong khuôn khổ chương trình, dự án.

III. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

Nêu rõ tính phù hợp của chương trình, dự án ô với định hướng hợp tác và lĩnh vực ưu tiên của nhà tài trợ nước ngoài; điều kiện cung cấp vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài và khả năng đáp ứng của phía Việt Nam:

1. Tính phù hợp của mục tiêu chương trình, dự án ô với chính sách và định hướng ưu tiên của nhà tài trợ nước ngoài.

2. Phân tích lý do lựa chọn và lợi thế của nhà tài trợ nước ngoài về công nghệ, kinh nghiệm quản lý, tư vấn chính sách thuộc lĩnh vực được tài trợ.

3. Các điều kiện ràng buộc theo quy định của nhà tài trợ nước ngoài (nếu có) và khả năng đáp ứng các điều kiện này của phía Việt Nam.

IV. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN Ô

Nêu rõ mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể, mục tiêu dài hạn và ngắn hạn của chương trình, dự án ô và của các dự án thành phần.

1. Mục tiêu tổng thể của chương trình, dự án ô.
2. Mục tiêu của các dự án thành phần.

V. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN Ô

Nội dung hoạt động và các kết quả dự kiến đạt được của chương trình, dự án ô và của các dự án thành phần. Nêu mối quan hệ giữa các dự án thành phần và các nguồn lực tương ứng.

VI. ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

Nêu rõ đối tượng thụ hưởng trực tiếp và gián tiếp của chương trình, dự án ô và của các dự án thành phần.

VII. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN Ô

1. Phương án chung về giải phóng mặt bằng, tái định cư và phương án hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có).
2. Các phương án thiết kế kiến trúc đối với công trình trong đô thị và công trình có yêu cầu kiến trúc (nếu có).
3. Phương án khai thác và sử dụng các kết quả của chương trình, dự án ô.

VIII. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN Ô

1. Kế hoạch triển khai các hành động thực hiện trước (nếu có).
2. Kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết thực hiện chương trình, dự án ô cho năm đầu tiên.
3. Kế hoạch giám sát và đánh giá chương trình, dự án ô.

IX. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN Ô

1. Hiệu quả kinh tế - tài chính và hiệu quả xã hội; đánh giá tác động môi trường, các rủi ro và tính bền vững của chương trình, dự án ô sau khi kết thúc.
2. Cơ chế theo dõi và đánh giá kết quả tác động của chương trình, dự án ô.

X. TỔ CHỨC QUẢN LÝ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN Ô

Nêu rõ hình thức tổ chức quản lý thực hiện chương trình, dự án ô; cơ chế phối hợp giữa các bên tham gia chuẩn bị thực hiện, thực hiện và quản lý chương trình, dự án ô; năng lực tổ chức, quản lý thực hiện chương trình, dự án ô của cơ quan chủ quản và chủ chương trình, dự án ô, Ban chỉ đạo chương trình, dự án ô (nếu có), các cơ quan chủ quản, chủ dự án thành phần, bao gồm cả năng lực tài chính.

XI. TỔNG VỐN THỰC HIỆN CỦA CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN Ô VÀ CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN

Nêu chi tiết theo từng cấu phần, hạng mục và dòng ngân sách đầu tư phát triển, hành chính sự nghiệp, phương án phân bổ tài chính cho các cơ quan tham gia chương trình, dự án ô, bao gồm:

1. Vốn ODA, vốn vay ưu đãi (nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam và đô la Mỹ).

2. Vốn đối ứng (đồng Việt Nam và quy đổi ra đô la Mỹ). Nêu rõ nguồn vốn đối ứng (ngân sách trung ương, địa phương), giá trị đóng góp bằng hiện vật. Trách nhiệm bố trí vốn đối ứng của các cấp ngân sách và các đối tượng tham gia thực hiện, đối tượng thụ hưởng dự án (nếu có).

XII. ĐIỀU KIỆN RÀNG BUỘC VỀ SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

Giải trình về những nội dung quy định tại khoản 4, Điều 6 Nghị định 16/2016/NĐ-CP (trường hợp vốn ODA, vốn vay ưu đãi có ràng buộc).

XIII. CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN

1. Cấp phát toàn bộ, cho vay lại toàn bộ, cho vay lại một phần với tỷ lệ cho vay lại cụ thể từ ngân sách nhà nước; điều khoản và điều kiện cho vay lại; phương án trả nợ vốn vay;

2. Phương thức tài trợ dự án hay giải ngân qua ngân sách nhà nước; phương thức cho vay lại qua ngân hàng thương mại hay vay lại trực tiếp từ Ngân sách Nhà nước;

3. Việc thỏa mãn các điều kiện được vay lại của chủ dự án theo quy định của Luật quản lý nợ công đối với chương trình, dự án vay lại; cơ sở tính toán doanh thu, chi phí, tính khả thi của dự án theo các điều kiện của khoản vay nước ngoài; phương án trả nợ, phương án tài sản đảm bảo tiền vay.

XIV. CÁC HOẠT ĐỘNG THỰC HIỆN TRƯỚC (nếu có)

Trên cơ sở các hoạt động thực hiện trước tại Quyết định chủ trương đầu tư, trình bày cụ thể các hoạt động thực hiện trước theo quy định tại Điều 19 Nghị định 16/2016/NĐ-CP./.

PHỤ LỤC 9

MẪU VĂN KIẾN PHI DỰ ÁN

I. TÊN PHI DỰ ÁN

II. NHÀ TÀI TRỢ, ĐỒNG TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

III. TÊN VÀ ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC CỦA CƠ QUAN CHỦ QUẢN VÀ ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤT KHOẢN PHI DỰ ÁN

IV. THỜI GIAN THỰC HIỆN KHOẢN PHI DỰ ÁN

V. NHU CẦU VỀ KHOẢN PHI DỰ ÁN

1. Nêu sự cần thiết và nhu cầu tài trợ đối với phi dự án.
2. Cơ sở đề xuất nhà tài trợ nước ngoài.

VI. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG CỦA PHI DỰ ÁN

Nêu rõ mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể và nội dung của phi dự án.

VII. TỔ CHỨC QUẢN LÝ THỰC HIỆN PHI DỰ ÁN

Nêu rõ cơ chế phối hợp giữa các bên tham gia chuẩn bị thực hiện, thực hiện và quản lý phi dự án; năng lực tổ chức, quản lý thực hiện khoản phi dự án của chủ dự án.

VIII. TỔNG VỐN CỦA PHI DỰ ÁN

1. Vốn ODA, vốn vay ưu đãi (nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam và đô la Mỹ).
2. Nguồn và vốn đối ứng (đồng Việt Nam và quy đổi ra đô la Mỹ).

IX. ĐIỀU KIỆN RÀNG BUỘC VỀ SỬ DỤNG VỐN ODA VIỆN TRỢ KHÔNG HOÀN LẠI CỦA NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

Giải trình về những nội dung quy định tại khoản 4, Điều 6 Nghị định 16/2016/NĐ-CP (trường hợp vốn ODA viện trợ không hoàn lại có ràng buộc).

X. CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI PHI DỰ ÁN

1. Cấp phát toàn bộ, cho vay lại toàn bộ, cho vay lại một phần với tỷ lệ cho vay lại cụ thể từ ngân sách nhà nước; điều khoản và điều kiện cho vay lại; phương án trả nợ vốn vay;
2. Phương thức tài trợ dự án hay giải ngân qua ngân sách nhà nước; phương thức cho vay lại qua ngân hàng thương mại hay vay lại trực tiếp từ Ngân sách Nhà nước;
3. Việc thỏa mãn các điều kiện được vay lại theo quy định của Luật quản lý nợ công./.

PHỤ LỤC 10

Mẫu III-KH 1: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 5 NĂM TIẾP THEO CỦA CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN

(Tên Cơ quan chủ quản) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
(Tên Chủ dự án) Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: , ngày.....tháng.....năm.....

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CỦA CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN CHO GIAI ĐOẠN TRUNG HẠN 5 NĂM TIẾP THEO

I. Thông tin cơ bản về chương trình, dự án

1. Tên chương trình, dự án (tiếng Việt):
2. Tên chương trình, dự án (tiếng Anh):
3. Mã chương trình, dự án (nếu có):
4. Tên nhà tài trợ, đồng tài trợ:
5. Thời gian bắt đầu và kết thúc chương trình, dự án (theo Điều ước quốc tế cụ thể về ODA và vốn vay ưu đãi đã ký kết):

II. Mục tiêu của chương trình dự án

Mô tả mục tiêu tổng thể, mục tiêu cụ thể hoặc mục tiêu dài hạn, mục tiêu ngắn hạn của chương trình, dự án.

III. Tóm tắt các kết quả chủ yếu của chương trình, dự án

1. Tóm tắt các kết quả dự kiến của toàn bộ chương trình, dự án và của từng cấu phần, hạng mục.
2. Nêu cụ thể các kết quả dự kiến của chương trình, dự án và của từng cấu phần, hạng mục trong 5 năm kế hoạch.

IV. Tổng vốn của chương trình, dự án

1. Vốn ODA, vốn vay ưu đãi (nguyên tệ, quy đổi ra đồng Việt Nam và đô la Mỹ).
2. Nguồn và vốn đối ứng (đồng Việt Nam và quy đổi ra đô la Mỹ).

V. Đánh giá tình hình thực hiện chương trình, dự án

Đánh giá khái quát tình hình và tiến độ thực hiện chương trình, dự án so sánh với kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án đã được cơ quan chủ quản phê duyệt và dự kiến khả năng hoàn thành kế hoạch của giai đoạn 5 năm hiện hành (khối lượng công việc đã hoàn thành, các sản phẩm đầu ra và giá trị giải ngân theo từng hợp phần).

VI. Kế hoạch thực hiện và phân bổ vốn của chương trình, dự án năm tiếp theo

1. Nêu các hoạt động của chương trình, dự án theo từng hợp phần căn cứ vào các kết quả dự kiến của chương trình, dự án trong 5 năm kế hoạch kèm theo nguồn lực tương ứng để đảm bảo các hoạt động được hoàn thành.

2. Nêu rõ các cơ sở đảm bảo tính khả thi của các hoạt động đề ra trong kế hoạch bao gồm:

a) Tiến độ thực hiện các hoạt động về đấu thầu, ký kết hợp đồng và tiến độ thực hiện hợp đồng của các nhà thầu,...

b) Các yếu tố thuận lợi, khó khăn, các rủi ro có thể xảy ra và các giải pháp đảm bảo hoàn thành kế hoạch.

c) Cơ sở tính toán các nguồn lực thực hiện kế hoạch.

V. Giá trị giải ngân trong nội dung đánh giá tình hình thực hiện, kế hoạch thực hiện và bố trí vốn của chương trình, dự án giai đoạn 5 năm tiếp theo

1. Đối với nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi (vốn nước ngoài): Giá trị giải ngân vốn nước ngoài ghi theo nguyên tệ và quy đổi ra “Triệu VNĐ” theo tỷ giá hiện hành do Ngân hàng nhà nước công bố và phân theo tính chất chi (xây dựng cơ bản (XDCCB), hành chính sự nghiệp (HCSN), hỗ trợ ngân sách (HTNS), cho vay lại (CVL)).

2. Đối với nguồn vốn đối ứng: Giá trị giải ngân ghi theo “Triệu VNĐ” và phân theo nguồn vốn (cân đối từ ngân sách Trung ương, cân đối từ ngân sách địa phương, chủ dự án tự bố trí, huy động các nguồn vốn khác).

VI. Biểu kế hoạch thực hiện và phân bổ vốn của chương trình, dự án cho giai đoạn 5 năm tiếp theo.

CHỦ DỰ ÁN

(ký tên, đóng dấu)

Mẫu III-KH 2

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NĂM TIẾP THEO CỦA CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN

(Tên Cơ quan chủ quản)
(Tên Chủ dự án)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

KẾ HOẠCH HÀNG NĂM THỰC HIỆN CỦA CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN

I. Thông tin cơ bản về chương trình, dự án

1. Tên chương trình, dự án (tiếng Việt):
2. Tên chương trình, dự án (tiếng Anh):
3. Mã chương trình, dự án (nếu có):
4. Tên nhà tài trợ, đồng tài trợ:
5. Thời gian bắt đầu và kết thúc chương trình, dự án (theo Điều ước quốc tế cụ thể về ODA và vốn vay ưu đãi đã ký kết):

II. Mục tiêu của chương trình dự án

Mô tả mục tiêu tổng thể, mục tiêu cụ thể hoặc mục tiêu dài hạn, mục tiêu ngắn hạn của chương trình, dự án.

III. Tóm tắt các kết quả chủ yếu của chương trình, dự án

1. Tóm tắt các kết quả dự kiến của toàn bộ chương trình, dự án và của từng cấu phần, hạng mục.
2. Nêu cụ thể các kết quả dự kiến của chương trình, dự án và của từng cấu phần, hạng mục trong năm kế hoạch.

IV. Tổng vốn của chương trình, dự án

1. Vốn ODA, vốn vay ưu đãi (nguyên tệ, quy đổi ra đồng Việt Nam và đô la Mỹ).
2. Nguồn và vốn đối ứng (đồng Việt Nam và quy đổi ra đô la Mỹ).

V. Đánh giá tình hình thực hiện chương trình, dự án

Đánh giá khái quát tình hình và tiến độ thực hiện chương trình, dự án so sánh với kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án đã được cơ quan chủ quản phê duyệt và dự kiến khả năng hoàn thành kế hoạch của năm hiện

hành (khối lượng công việc đã hoạt thành, các sản phẩm đầu ra và giá trị giải ngân theo từng hợp phần).

VI. Kế hoạch thực hiện và phân bổ vốn của chương trình, dự án năm tiếp theo

1. Nêu các hoạt động của chương trình, dự án theo từng hợp phần căn cứ vào các kết quả dự kiến của chương trình, dự án trong năm kế hoạch kèm theo nguồn lực tương ứng để đảm bảo các hoạt động được hoàn thành.

2. Nêu rõ các cơ sở đảm bảo tính khả thi của các hoạt động đề ra trong kế hoạch bao gồm:

a) Tiến độ thực hiện các hoạt động về đấu thầu, ký kết hợp đồng và tiến độ thực hiện hợp đồng của các nhà thầu,...

b) Các yếu tố thuận lợi, khó khăn, các rủi ro có thể xảy ra và các giải pháp đảm bảo hoàn thành kế hoạch.

c) Cơ sở tính toán các nguồn lực thực hiện kế hoạch.

V. Giá trị giải ngân trong nội dung đánh giá tình hình thực hiện, kế hoạch thực hiện và bố trí vốn của chương trình, dự án năm tiếp theo

1. Đối với nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi (vốn nước ngoài): Giá trị giải ngân vốn nước ngoài ghi theo nguyên tệ và quy đổi ra “Triệu VNĐ” theo tỷ giá hiện hành do Ngân hàng nhà nước công bố và phân theo tính chất chi (xây dựng cơ bản (XDCCB), hành chính sự nghiệp (HCSN), hỗ trợ ngân sách (HTNS), cho vay lại (CVL)).

2. Đối với nguồn vốn đối ứng: Giá trị giải ngân ghi theo “Triệu VNĐ” và phân theo nguồn vốn (cân đối từ ngân sách Trung ương, cân đối từ ngân sách địa phương, chủ dự án tự bố trí, huy động các nguồn vốn khác).

VI. Biểu kế hoạch thực hiện và phân bổ vốn của chương trình, dự án năm kế hoạch.

CHỦ DỰ ÁN

(ký tên, đóng dấu)